

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần rau quả thực phẩm An Giang số 19/2023-NMBL ngày 13 tháng 4 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy Bình Long theo Quyết định số 23/QĐ-STNMT ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần rau quả thực phẩm An Giang, địa chỉ: số 69-71-73 Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy Bình Long – Công ty CP rau quả thực phẩm An Giang, tọa lạc tại Lô D, khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Nhà máy Bình Long – Công ty CP rau quả thực phẩm An Giang.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D, khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
- 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 1600230014, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 6 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh 1600230014-009, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 3 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 5 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đầu tư, mã số dự án 4326488028 chứng nhận lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2014; chứng nhận thay đổi lần thứ VI ngày 27 tháng 12 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 1600230014

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án: Sản xuất, chế biến các sản phẩm rau màu để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 27.338 m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 08749 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 9 năm 2014.

- Quy mô: Tổng mức vốn đầu tư là 170.000.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi tỷ đồng*). Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Công suất: Tổng công suất thiết kế là 10.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần rau quả thực phẩm An Giang:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần rau quả thực phẩm An Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 26 tháng 4 năm 2023 đến ngày 25 tháng 4 năm 2033).

Giấy phép môi trường thành phần gồm: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2871/XN-STNMT ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang, Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1164/GP-STNMT ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Phú và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ cơ sở;
- UBND tỉnh An Giang (để báo cáo);
- BQL Khu kinh tế tỉnh (để phối hợp chỉ đạo);
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- UBND huyện Châu Phú (để phối hợp chỉ đạo);
- Thành viên ĐKTr theo QĐ số 23/QĐ-STNMT;
- Thanh tra Sở;
- CCBVMT;
- Trung tâm CNTTNTM (đăng Website công khai giấy phép môi trường);
- Phòng TNMT huyện Châu Phú;
- Trung tâm ĐT-PTHT và Hỗ trợ DNKKT tỉnh AG;
- UBND xã Bình Long;
- Lưu: VT, ntván.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Trí

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
*(Kèm theo Giấy phép số: 441/GPMT-STNMT ngày 6 tháng 4 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Bình Long; không xả nước thải ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Bình Long theo các văn bản đã ký với Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và Hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang (trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang - chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long), bao gồm: Hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 158/HĐ-TTHT ngày 02 tháng 6 năm 2022, Phụ lục Hợp đồng số 332/PLHĐ-TTHT ngày 29 tháng 9 năm 2022, Phụ lục Hợp đồng số 108/PLHĐ-TTHT ngày 28 tháng 02 năm 2023, Biên bản số 04/2023/BBH.DABL ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Văn bản số 459/BQLKKT-QLTNMT ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang (lưu lượng nước thải tối đa của Cơ sở được phép xả thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải của Khu công nghiệp Bình Long là 900 m³/ngày.đêm).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của khu vực nhà xưởng, văn phòng, nhà ăn, nhà nghỉ công nhân được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn (bố trí 05 nhà vệ sinh, 05 hầm tự hoại), nước thải sau đó được dẫn bằng ống nhựa PVC Ø114 mm xung quanh Nhà máy về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải 500 m³/ngày đêm của Nhà máy để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Bình Long.

- Nước thải phát sinh từ nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ (01 bể, thể tích khoảng 20m³) theo đường ống nhựa Ø90 mm dẫn đến đầu nối với đường ống nhựa PVC Ø114 mm (đường ống dẫn nước thải sau bể tự hoại) dẫn về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải 500 m³/ngày đêm của Nhà máy để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Bình Long.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Nhà máy theo đường ống nhựa Ø60 - Ø90 mm dẫn về cống bê-tông li tâm Ø400 mm đến hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải 500 m³/ngày đêm của Nhà máy để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Bình Long.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ khu vực nhà xưởng theo các rãnh thoát nước nội bộ (rãnh bê-tông ốp inox, chiều rộng 0,1m và sâu 0,15 – 0,2m có nắp đậy) đến cống bê-tông li tâm Ø315 mm. Cống Ø315 mm sẽ dẫn nước thải vào cống bê-tông li tâm Ø400 mm đến hố thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải 500 m³/ngày đêm tại Nhà máy để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Bình Long.

- Nước giải nhiệt được tuần hoàn, tái sử dụng, không thải bỏ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải:

a) Năm bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng 1 → Ngăn lắng 2 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Công suất thiết kế: 02 bể 16,3 m³ (tại khu vực văn phòng và khu vực nhà nghỉ công nhân), 01 bể 13,3 m³ và 01 bể 46 m³ (tại khu vực nhà xưởng), 01 bể 19,1 m³ (tại khu vực nhà ăn).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

b) Một bể tách dầu mỡ xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà ăn → Thùng lọc → Thùng tách dầu mỡ và hộp đựng → Ống thoát mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Công suất thiết kế: khoảng 20 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (từ các nguồn sinh hoạt, sản xuất) → Xử lý sơ bộ (bể tự hoại 03 ngăn, bể tách dầu mỡ) → Hố thu gom → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể lắng hóa lý → Bể chứa → Bể UASB → Bể Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể chứa trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Bình Long (tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 0554724, Y = 1168357, hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°).

- Công suất thiết kế: 500 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: HN377 (2,2 g/m³), HN378 (2,2 g/m³), polymer (2,2 g/m³), Chlorine (19 g/m³).

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải công suất 700 m³/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (từ các nguồn sinh hoạt, sản xuất) → Xử lý sơ bộ (bể tự hoại 03 ngăn, bể tách dầu mỡ) → Hồ thu gom (sử dụng chung với hệ thống xử lý nước thải 500 m³/ngày đêm) → Bể tách cát, dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể UASB → Bể trung gian → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng (sử dụng chung với hệ thống xử lý nước thải 500 m³/ngày đêm) → Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Bình Long (tọa độ điểm đầu nổi nước thải: X = 0554724, Y = 1168357, hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục 104°45', múi chiều 3°).

- Công suất thiết kế: 700 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH (170 g/m³), PAC (470 g/m³), Polymer (2,2 g/m³), Chlorine (19 g/m³), Dinh dưỡng (ri mật) bổ sung theo từng đợt (44 g/m³).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Thành lập đội ứng phó sự cố môi trường, ban hành kế hoạch, quy trình ứng phó sự cố môi trường và niêm yết tại khu vực hệ thống xử lý nước thải của nhà máy. Thống kê các tình huống xảy ra sự cố, nguyên nhân của hệ thống xử lý nước thải kèm theo các hoạt động sửa chữa, khắc phục.

- Phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long, Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và Hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải của Khu Công nghiệp Bình Long, đảm bảo đạt yêu cầu theo các thỏa thuận đã ký kết và tổ chức thực hiện khắc phục sự cố môi trường liên quan.

- Bố trí nhân viên vận hành thường xuyên, liên tục hệ thống xử lý nước thải, lập và ghi sổ nhật ký vận hành, xử lý sự cố. Hàng năm tập huấn, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế, quy trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, hệ thống thoát nước thải và đường ống trong hệ thống xử lý nước thải để phát hiện sớm các nguy cơ xảy ra sự cố.

- Trang bị các máy móc, thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải như: các loại máy bơm, phao nổi, máy thổi khí, mô-tơ khuấy, đĩa phân phối, thiết bị lọc,...Đồng thời định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra hệ thống, tình trạng kỹ thuật của máy móc thiết bị đang hoạt động, thay thế sửa chữa kịp thời máy móc hư hỏng.

- Bố trí máy phát điện dự phòng với công suất 825 KVA đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố về điện.

1.4.2. Biện pháp ứng phó:

- Khi xảy ra sự cố, người phát hiện sự cố phải cáo báo ngay cho Chủ cơ sở, cán bộ vận hành hệ thống. Chủ cơ sở triển khai ngay kế hoạch, quy trình ứng phó sự cố môi trường.

- Dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và thông báo cho bộ phận sản xuất ngừng sản xuất trong trường hợp chất lượng nước thải sau xử lý của cơ sở không đảm bảo đạt yêu cầu theo các thỏa thuận đã ký kết về đầu nối nước thải và các quy định có liên quan. Đảm bảo không xả trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

- Thông báo cho chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long, Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và Hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang để hướng dẫn ứng phó, khắc phục sự cố.

- Chủ cơ sở tổ chức thực hiện khắc phục, sửa chữa công đoạn gặp sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Kiểm tra, đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý sau khi khắc phục làm căn cứ xem xét ra quyết định đã hoàn thành khắc phục hay chưa.

- Thông báo chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long, Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và Hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang sau khi hoàn thành khắc phục, sửa chữa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải 500 m³/ngày đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải 700 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

- Nước thải đầu vào: Tại Hồ thu gom của hệ thống xử lý nước thải 500 m³/ngày đêm. Tọa độ (X = 0554646; Y = 1168441).

- Nước thải đầu ra (sau xử lý): Tại điểm xả nước thải sau xử lý của Nhà máy đầu nối vào hồ ga thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Bình Long. Tọa độ (X = 0554724; Y = 1168357).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Nước thải sau xử lý tại Nhà máy trước khi xả thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Bình Long (tại hồ ga đầu nối) phải đảm bảo đạt các giá trị theo yêu cầu của Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và Hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang (trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang - chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long) tại Hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 158/HĐ-

TTHT ngày 02 tháng 6 năm 2022, Phụ lục Hợp đồng số 332/PLHĐ-TTHT ngày 29 tháng 9 năm 2022 và Phụ lục Hợp đồng số 108/PLHĐ-TTHT ngày 28 tháng 02 năm 2023, cụ thể:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	45
2	Màu	Pt-Co	200
3	pH	-	5-9
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	150
5	COD	mg/l	400
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
8	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	60
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	8
10	Tổng dầu mỡ động thực vật	mg/l	30
11	Clo dư	mg/l	2
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: 15 ngày/lần trong ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra).

- Giai đoạn vận hành ổn định: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào, ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đối với đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy (kể cả nước thải phát sinh trong quá trình đầu tư hạng mục công trình bổ sung) đảm bảo đạt quy chuẩn đầu nối, tiếp nhận nước thải theo yêu cầu của Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và Hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang (trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang - chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

Quá trình vận hành thử nghiệm Chủ cơ sở phải tuân thủ và thực hiện trách nhiệm về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Lưu ý:

- Chủ cơ sở phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Chủ cơ sở phải lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (bao gồm kết quả phân định ngưỡng nguy hại của bùn thải).

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải theo quy định.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép số: *GPMT-STNMT* ngày tháng năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 0554513, Y = 1168520 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải từ máy phát điện (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 0554517; Y = 1168514 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

Vị trí xả khí thải của Nhà máy tại lô D của KCN Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $18.000\text{m}^3/\text{giờ}$
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất khoảng $5.305\text{m}^3/\text{giờ}$. Không phải kiểm soát do khí thải phát sinh có tính chất, chất lượng không khí tương đương.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Xả gián đoạn (theo thời gian sản xuất trong ngày).
- Dòng khí thải số 02: Xả gián đoạn (khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

Dòng khí thải số 02 phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Cơ sở không thuộc đối tượng. Chủ cơ sở đề xuất giám sát 03 tháng/lần	-
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải lò hơi tại Nhà máy để xử lý.

- Nguồn số 02 phát sinh được thải ra môi trường qua ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi (thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 01): Khí thải lẫn bụi tro → Bộ Cyclone tổ hợp (04 Cyclone đơn) → Hệ thống ống Ventuary → Tháp hấp thụ (sử dụng nước hấp thụ) → Ống khói xả khí thải.

- Công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, tuần hoàn.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thành lập đội ứng phó sự cố môi trường, ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường và niêm yết tại khu vực lò hơi.

- Nhân viên làm việc trực tiếp tại khu vực lò hơi khi phát hiện sự cố phải báo cáo sự cố cho đội ứng phó sự cố, Chủ cơ sở về tình hình sự cố khí thải được phát hiện. Trường hợp sự cố có nguy cơ vượt quá khả năng kiểm soát, xử lý, Chủ cơ sở báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Dừng hoạt động lò hơi và các công đoạn sản xuất có liên quan đến hoạt động của lò hơi khi có sự cố xảy ra.

- Chủ cơ sở tổ chức bảo trì, khắc phục ngay sự cố; sau khi kết quả lấy mẫu khí thải lò hơi đạt tiêu chuẩn, tiến hành sản xuất lại.

- Định kỳ hàng năm tiến hành bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị lò hơi, hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Đào tạo cho nhân viên phụ trách vận hành nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, bảo đảm độ ổn định của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải lò hơi không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường (kể cả khí thải phát sinh trong quá trình đầu tư hạng mục công trình bổ sung).

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép theo dõi đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải theo quy định.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2. Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải, bụi để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép số: GPMT-STNMT ngày tháng năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực bãi đỗ xe tại Nhà máy.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất tại Nhà máy.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt thiết bị, máy móc xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải 500 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 04: Khu vực đặt thiết bị, máy móc xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải 700 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 05: Khu vực máy phát điện dự phòng của Nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tại lô D của KCN Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 0554411; Y = 1168498.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 0554453; Y = 1168501.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 0554565; Y = 1168493.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 0554565; Y = 1168493.
- Nguồn số 05: Tọa độ: X = 0554528; Y = 1168509.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định (03 tháng/lần). Các điểm tiếp xúc giữa máy móc thiết bị và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Bố trí phòng máy phát điện có tường cách âm, gắn thiết bị giảm âm vào đầu ra của máy phát điện dự phòng, cách ly các nguồn gây ồn ra vị trí riêng biệt.

- Bố trí cây xanh xung quanh nhà máy vừa làm hàng rào bảo vệ vừa có tác dụng lọc không khí vừa cải thiện vẻ mỹ quan.

- Sắp xếp giờ tan ca hợp lý, không để xảy ra ùn tắc giao thông.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép số: GPMT-STNMT ngày tháng năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất tẩy rửa	03 06 01	4.000
2	Bụi lò hơi	04 01 01	60
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	60
4	Dầu động cơ, hộp số	17 02 03	1.200
5	Chất thải phòng thí nghiệm	19 05 02	20
6	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	80
7	Pin, acquy chì thải	16 01 12	10
8	Hộp mực in thải	08 02 04	05
9	Chất thải có silic hữu cơ (Silicon)	02 08 01	05
10	Bao bì mềm thải	18 01 01	02
11	Than hoạt tính đã qua sử dụng	12 01 04	20
12	Vật liệu cách nhiệt có chứa amiăng thải	11 06 01	05
13	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (đá mài, đá cắt, giấy ráp,...)	07 03 10	02
14	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	02
15	Xi hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 02	0,5
16	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 01	10
17	Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lần đầu	07 03 11	20
18	Bao bì kim loại cứng	18 01 02	20
19	Bao bì nhựa cứng	18 01 03	20
20	Các thiết bị, linh kiện nguy hại khác với các loại trên	15 01 09	05
Tổng khối lượng:			5.546,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Phế phẩm từ nguyên liệu sản xuất (Bắp non, Đậu nành rau, Xoài, Thanh Long, Sả,...)	5.782.000
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế	30.264
3	Tro trấu	14.400
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy	480.000
Tổng khối lượng:		6.306.664

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	11.700

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 12 thùng nhựa lưu chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít.
- Thùng lưu chứa ghi nhãn mã CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 12,45 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Móng, cột, đà kiềng, đà mái sê-nô bê-tông cốt thép, xà gồ thép hộp, mái tole, tường xây gạch, nền láng vữa xi-măng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Phế phẩm từ nguyên liệu sản xuất được cho vào bao chứa, cột chặt, thực hiện thu gom trong ngày, không lưu chứa tại Nhà máy.

- Tro được thu gom vào bao chứa, cột chặt, lưu giữ tại kho lưu chứa và bán cho người dân có nhu cầu sử dụng làm phân bón để trồng hoa màu, cây cảnh,...

- Chất thải rắn có khả năng tái chế được thu gom chuyển vào kho lưu chứa định kỳ bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung mang đi phơi giảm thể tích nước và ổn định, tái sử dụng để bón cho cây trồng, cây xanh xung quanh khu vực Nhà máy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa tro:

+ Diện tích: 22m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê-tông xi-măng, vách xung quanh xây gạch cao 01 mét, khung kèo thép, mái lợp tole.

- Kho lưu chứa chất thải rắn có khả năng tái chế:

+ Diện tích: 24 m²

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, vách và mái tole.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 10 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 120 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê-tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức thực hiện ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép số: GPMT-STNMT ngày tháng năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình phục vụ các hoạt động sản xuất chính và các yêu cầu bảo vệ môi trường theo Quyết định số 1128/QĐ-BQLKKT ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư “Xây dựng nhà máy sản xuất và chế biến rau màu Antesco”; Quyết định số 197/QĐ-STNMT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh tên dự án trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo Quyết định số 1128/QĐ-BQLKKT ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Ban Quản lý Khu kinh tế; Quyết định số 89/QĐ-STNMT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh chương trình giám sát môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo Quyết định số 1128/QĐ-BQLKKT ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Ban Quản lý Khu kinh tế; Giấy xác nhận số 2871/XN-STNMT ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy Bình Long. Một số nội dung thay đổi so với Giấy xác nhận số 2871/XN-STNMT và Quyết định số 1128/QĐ-BQLKKT; Quyết định số 197/QĐ-STNMT ngày 12 tháng 5 năm 2016 được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường tại cơ sở, đề nghị Chủ cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ cơ sở thì Chủ cơ sở mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quản lý chất thải phát sinh trong toàn bộ quá trình hoạt động đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo

vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sự cố môi trường, sự cố hóa chất,... theo các quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện trách nhiệm của Chủ cơ sở trong thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải ở Phụ lục 4 (nếu có) hoặc báo cáo đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Nghiên cứu, giảm thiểu nước thải, chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất và tái sử dụng chất thải./.